

**SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG CẤP TRƯỜNG SƠN**

**GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC/MÔ ĐUN: CHĂN NUÔI GIA CẦM
NGÀNH/NGHỀ: CHĂN NUÔI THÚ Y
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP**

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 140/QĐ-TCTS ngày 02 tháng 08 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung Cấp Trường Sơn*

Năm 2022

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Nội dung cuốn giáo trình mô đun này hướng dẫn người học về các biện pháp kỹ thuật chăn nuôi gia cầm và một số bệnh phổ biến trên gia cầm.

Thời gian môn học này là 90 giờ; (*Lý thuyết: 27 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 3 giờ*)

Ban biên soạn chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn, chỉ đạo của Ban giám hiệu trường Trung cấp Trường Sơn, cùng với sự giúp đỡ, đóng góp ý kiến, tạo điều kiện thuận lợi của quý thầy, cô phòng Đào tạo; các kiến thức, tư liệu, nghiên cứu của các tác giả đã giúp xây dựng hoàn thiện giáo trình này.

Các thông tin trong giáo trình này có giá trị hướng dẫn giáo viên thiết kế, tổ chức giảng dạy và vận dụng phù hợp với điều kiện, bối cảnh thực tế của từng vùng trong quá trình dạy học.

Trong quá trình biên soạn giáo trình. Dù đã hết sức cố gắng nhưng chắc chắn không tránh khỏi những khiếm khuyết. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ các nhà giáo, các chuyên gia, người sử dụng lao động và người trực tiếp lao động trong lĩnh vực chăn nuôi gia cầm để giáo trình được điều chỉnh, bổ sung cho hoàn thiện hơn, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và đáp ứng được nhu cầu học nghề trong thời kỳ đổi mới.

Xin chân thành cảm ơn!

....., ngày.....tháng.....năm.....

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên: Th.S Nguyễn Đức Điện

2. Th.S Phạm Công Đức

MỤC LỤC

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN	ii
LỜI GIỚI THIỆU	iii
MỤC LỤC	iv
GIÁO TRÌNH MÔN HỌC/MÔ ĐUN	1
BÀI 1: GIỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CHỌN GIỐNG GIA CẦM	2
Giới thiệu	2
Mục tiêu của bài :	2
Nội dung bài:	2
1. Nguồn gốc và sự thuần hóa giống gia cầm	2
1.1. Nguồn gốc	2
1.2. Sự thuần hóa giống gia cầm'	2
2. Các giống gia cầm	2
2.1. Các giống gà nội và gà nhập nội	2
2.2. Các giống vịt nội và nhập nội	13
2.3. Các giống ngan nội và nhập nội	18
2.4. Các giống ngỗng nội và nhập nội	21
3. 3. Nhiệm vụ và tổ chức công tác giống	23
3.1. Nhiệm vụ	23
3.2. Tổ chức công tác giống	23
4. Các phương pháp chọn giống gia cầm	29
4.1. Chọn gà một ngày tuổi	33
4.2. Chọn gia cầm theo sức sản xuất	33
BÀI 2 SỨC SẢN XUẤT CỦA GIA CẦM	34
Giới thiệu	34
Mục tiêu:	34
Nội dung bài	34
1. Sức sản xuất trứng của gia cầm	34
1.1. Sức đẻ trứng	34
1.2. Sức sinh sản	42
1.3. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng trứng	48
2. Sức sản xuất thịt của gia cầm	48
2.1. Khái niệm	48
2.2. Các chỉ tiêu đánh giá	48
2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức sản xuất thịt	51
2.4. Thành phần thịt gia cầm	55
BÀI 3: DINH DƯỠNG VÀ THỨC ĂN GIA CẦM	59
Giới thiệu	59
Mục tiêu:	59
Nội dung chương:	59
1. Khái niệm chung	59
2. Các loại thức ăn gia cầm	59

2.1. Thức ăn cung cấp chất bột đường	59
2.2. Thức ăn giàu đạm	60
2.3. Thức ăn bổ sung	61
2.4. Thức ăn hỗn hợp	62
3. Nhu cầu dinh dưỡng của từng loại gia cầm	62
3.1. Nhu cầu Protein	62
3.2. Nhu cầu năng lượng	63
3.3. Nhu cầu khoáng	63
3.4. Nhu cầu Vitamin	65
4. Chế biến, bảo quản thức ăn cho gia cầm	65
4.1. Phương pháp chế biến	65
4.2. Phương pháp bảo quản	68
5. Sử dụng thức ăn có hiệu quả trong chăn nuôi gia cầm	70
6. Kiểm tra	70
BÀI 4: ẤP TRỨNG GIA CẦM	70
Giới thiệu	70
Mục tiêu:	70
Nội dung	70
1. Bộ máy sinh dục cái gia cầm và sự hình thành trứng	70
1.1. Cấu tạo buồng trứng	70
1.2. Cấu tạo ống dẫn trứng	71
1.3. Sự hình thành trứng	73
2. Nguyên nhân hình thành trứng dị hình	74
2.1. Trứng quả to	74
2.2. Trứng quả nhỏ	74
2.3. Trứng vỏ mềm	75
3. Cấu tạo và thành phần hóa học của trứng	77
3.1. Thành phần cấu tạo của trứng	77
3.2. Thành phần hóa học của trứng	78
4. Chọn lọc, bảo quản, vận chuyển và sát trùng trứng ấp	79
4.1. Chọn trứng ấp	79
4.2. Bảo quản trứng ấp	80
4.3. Vận chuyển trứng ấp	80
4.4. Kỹ thuật sát trùng trứng ấp	80
5. Các phương pháp ấp trứng gia cầm	82
5.1. Ấp trứng tự nhiên	82
5.2. Ấp trứng nhân tạo	82
6. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của phôi	87
7. Kiểm tra sinh học trứng ấp	90
7.1. Phương pháp soi trứng	90
7.2. Phương pháp cân trứng	91
7.3. Kiểm tra vết mổ mổ	91
7.4. Đánh giá chất lượng gia cầm mới nở	91

BÀI 5 CHĂN NUÔI GÀ.....	93
Giới thiệu.....	93
Mục tiêu.....	93
Nội dung bài.....	93
1. Đặc điểm sinh học các giai đoạn phát triển của gà.....	93
2. Kỹ thuật chăn nuôi gà thịt.....	94
2.1. Chuồng trại.....	94
2.2. Chuẩn bị dụng cụ, trang thiết bị.....	96
2.3. Chăm sóc, nuôi dưỡng gà thịt.....	97
3. Kỹ thuật chăn nuôi gà hậu bị.....	104
3.1. Nhu cầu dinh dưỡng.....	104
3.2. Kỹ thuật cho ăn.....	104
4. Kỹ thuật nuôi dưỡng gà đẻ.....	106
4.1. Nhu cầu dinh dưỡng.....	106
4.2. Kỹ thuật cho ăn.....	106
4.3. Máng ăn.....	108
4.4. Nước uống.....	108
BÀI 6 CHĂN NUÔI VỊT.....	109
Giới thiệu.....	109
Mục tiêu.....	109
Nội dung bài.....	109
1. Các phương thức chăn nuôi vịt.....	109
1.1. Nuôi vịt trên vùng nước tự nhiên.....	109
1.2. Nuôi công nghiệp (nuôi thâm canh).....	111
2. Chuồng trại, dụng cụ và thiết bị nuôi vịt.....	111
2.1. Thiết kế chuồng nuôi vịt.....	111
2.2. Những dụng cụ, trang thiết bị cần thiết để nuôi vịt.....	112
3. Kỹ thuật chăn nuôi vịt.....	113
3.1. Kỹ thuật chăn nuôi vịt thịt.....	113
3.2. Kỹ thuật chăn nuôi vịt sinh sản.....	121
BÀI 7 CHĂN NUÔI NGAN NGŨNG.....	124
Giới thiệu.....	124
Mục đích.....	124
Nội dung chính.....	124
1. Các phương thức chăn nuôi ngan, ngỗng.....	124
1.1. Phương thức chăn nuôi công nghiệp.....	124
1.2. Phương thức nuôi chăn thả.....	124
2. Chuồng trại, dụng cụ và thiết bị nuôi ngan, ngỗng.....	125
2.1. Thiết kế chuồng nuôi ngan, ngỗng.....	125
2.2. Những dụng cụ, trang thiết bị cần thiết để nuôi ngan ngỗng.....	126
3. Kỹ thuật chăn nuôi ngan.....	127
3.1. Kỹ thuật chăn nuôi ngan thịt.....	127
3.2. Kỹ thuật chăn nuôi ngan sinh sản.....	129

4. Kỹ thuật chăn nuôi ngỗng	131
4.1. Kỹ thuật chăn nuôi ngỗng thịt.....	131
4.2. Kỹ thuật chăn nuôi ngỗng sinh sản	136
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	139

Tailieu.vn

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Tên môn học/mô đun: Chăn nuôi gia cầm

Mã môn học/mô đun: MĐ 10

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học/mô đun:

Vị trí

Môn học được bố trí giảng dạy sau khi người học đã được học các môn học cơ sở như Giải phẫu sinh lý vật nuôi, Giống vật nuôi, Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi.

Tính chất:

Chăn nuôi gia cầm là môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trung cấp Chăn nuôi thú y.

Mục tiêu của môn học/mô đun:

Kiến thức:

+ Mô tả được đặc điểm giống, sức sản xuất, phương pháp chọn giống và kỹ thuật ấp trứng các loại gia cầm đang được nuôi ở nước ta.

- Trình bày được các loại thức ăn, nhu cầu dinh dưỡng và kỹ thuật chăn nuôi các loại gia cầm .

Kỹ năng:

- Thực hiện được việc tổ chức chăn nuôi các loại gia cầm đúng quy trình kỹ thuật và đạt hiệu quả kinh tế cao.

-Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Cẩn thận, chính xác, an toàn, hiệu quả và vệ sinh môi trường.

Nội dung của môn học/mô đun:

BÀI 1: GIỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CHỌN GIỐNG GIA CẦM

Giới thiệu

Bài học giới thiệu cho người học sơ bộ kiến thức cơ bản về giống gia cầm

Mục tiêu của bài :

- Phân tích được đặc điểm của các loại giống gia cầm
- Xác định được các giống và phương pháp chọn giống gia cầm

Nội dung bài:

1. Nguồn gốc và sự thuần hóa giống gia cầm

1.1. Nguồn gốc

Tất cả các giống gia cầm đã biết đều thuộc lớp chim (*Aves*), trong đó hầu hết đều thuộc nhóm chim bay (*Carinatae*), thuộc ba bộ là bộ Ngỗng vịt (*Anseriformes*), bộ Gà (*Galliformes*) và bộ Bò câu (*Columbiformes*).

1.2. Sự thuần hóa giống gia cầm'

Sự thuần hoá các loài chim hoang dã để trở thành các loài, giống gia cầm hiện nay đã trải qua hàng ngàn năm. Quá trình này đã làm biến đổi sâu sắc cả về ngoại hình cũng như khả năng sinh trưởng và sinh sản của chúng. Có thể nói, với tác động của con người vào mục đích khai thác thịt và trứng của các loại gia cầm đã làm biến đổi các đặc điểm sinh học tự nhiên của chúng như tính bay, tính ấp trứng, sinh sản theo mùa v.v ... Sự biến đổi này nhằm thích nghi với điều kiện sống mới của mỗi loại gia cầm. Với những giống địa phương, các bản năng tự nhiên này vẫn thể hiện mạnh hơn so với các giống mới tạo thành.

2. Các giống gia cầm

2.1. Các giống gà nội và gà nhập nội

Trong phân loại học, gà thuộc lớp chim (*Aves*), bộ gà (*Galliformes*), họ trĩ (*Fasianidea*), giống gà (*gallus*), loài gà nuôi (*Gallus gallus domestica*).

Các giống gà hiện nay đã được hình thành nên từ quá trình lai tạo, tiến hoá lâu dài và phức tạp của 4 loại hình gà rừng.

Gallus Bankiva : phân bố ở Ấn Độ, Miến Điện, Đông Dương và Philippin.

Gallus Sonneratii : phân bố ở tây và nam Ấn Độ

Gallus Lafazetti : phân bố ở Srilanka

Gallus Varius : phân bố ở Indonexia

Ở các vùng thung lũng sông Ấn, sự thuần hoá đầu tiên của gà nhà diễn ra đầu tiên ở thời kỳ đồ đồng, khoảng 3000 năm trước CN. Vào khoảng 2000 năm trước CN gà được đưa sang Trung Quốc. Sau đó gà phân bố ở Hy Lạp, ở đây gà vừa là con vật để làm cảnh, tế lễ và giải trí (chọi gà). Thông qua người Hy Lạp có mối liên hệ buôn bán rộng rãi mà gà được đưa sang các nước thuộc miền địa trung hải và giữa châu Âu. Đến thế kỷ I gà xuất hiện ở Trung Âu. Đến thế kỷ 10 gà nuôi đã được phân bố rộng rãi ở Trung Âu và Đông Âu.

Gà nhà của ta bắt nguồn từ gà rừng Gallus Bankiva. Chúng được thuần hoá sớm nhất ở Phú Thọ, Bắc Giang, Sơn Tây. Cách đây khoảng 3000 năm từ giống gà hoang ban đầu, trải qua thời gian dài nhân dân ta đã tạo ra được nhiều giống gà khác nhau: gà chọi, gà Đông Cảo, gà Hồ, gà Mía, và gà Ri đã được phân bố rất rộng rãi.

2.1.1 Các giống gà nội

Việt Nam có nhiều giống gà nội đã được chọn lọc thuần hoá từ lâu đời như gà Ri, gà Mía, gà Hồ, gà H'Mông, gà Tre, gà ác v.v... Một số giống trong đó có chất lượng thịt trứng thơm ngon như gà Ri, gà H'Mông. Tuy nhiên, do không được đầu tư chọn lọc lai tạo nên năng suất còn rất thấp (khối lượng xuất chuồng chỉ đạt 1,2- 1,5 kg/con với thời gian nuôi kéo dài 6-7 tháng, sản lượng trứng chỉ đạt 60-90 quả/mái/năm. Một số giống quý nhưng chỉ tồn tại ở một số địa bàn rất hẹp như gà Hồ, gà Đông Tảo, gà Mía. Việc sản xuất và cung cấp con giống diễn ra tại các hộ gia đình chăn nuôi chủ yếu theo hình thức tự sản, tự tiêu tại địa

phương. Hiện nay, cả nước chỉ có một cơ sở nghiên cứu chọn lọc, cải tạo giống gà Ri nhưng quy mô quần thể và đầu tư kinh phí còn rất hạn chế, giống được cải tiến chậm, chất lượng chưa cao, số lượng đưa ra sản xuất chưa nhiều.

Trong thực tế, việc sản xuất con giống chủ yếu là tự cung, tự cấp, không có cơ sở giống gốc, không có chọn tạo... dẫn đến con giống có thể bị đồng huyết làm giảm năng suất, hiệu quả chăn nuôi của các giống nội địa, thậm chí còn nguy cơ tuyệt chủng một số giống quý hiếm. Các giống gà nội cần được quan tâm để bảo tồn và phát huy các những tính năng ưu việt phù hợp với chăn nuôi nông hộ, nhất là tại các vùng nông thôn, trung du, miền núi.

Gà Ri

Gà Ri là giống phổ biến nhất ở nước ta và có phân bố rộng rãi trong cả nước. ở miền nam còn gọi là gà Ta vàng hay gà Tàu vàng, cũng có những đặc điểm giống như gà Ri và chúng đều có chung một nguồn gốc. Nhìn chung gà Ri pha tạp nhiều, vì vậy nhiều người còn gọi là gà Ri pha.

Gà Ri có tầm vóc nhỏ, thân hình thanh tú, nhỏ xương, thịt thơm ngon. Màu lông không đồng nhất, gà mái thường có màu vàng và nâu nhạt hoặc thẫm, gà trống có lông màu đỏ tía, cánh và đuôi có điểm lông màu đen. Đầu gà Ri thanh, hầu hết có mào đơn, đôi khi có con mào nụ. Da màu vàng. Gà Ri có tính đòi ấp, chúng ấp trứng và nuôi con khéo. Trứng gà Ri nhỏ, vỏ có màu nâu nhạt, gà càng già thì khối lượng trứng càng cao hơn. Gà Ri có khối lượng cơ thể ở tuổi trưởng thành như sau: con trống từ 1.800 – 2.500g, con mái từ 1.300 – 1.800g. Sản lượng trứng của gà mái trong một năm đẻ từ 80 – 120 quả, khối lượng trứng bình quân 38-42g. Gà mái có tuổi đẻ những quả trứng đầu tiên là 140 – 180 ngày. Tỷ lệ trứng có phôi cao là 95%. Tỷ lệ ấp nở trên tổng số trứng đưa vào ấp từ 70-75%. Tỷ lệ nuôi sống gà con từ mới nở đến hai tháng tuổi là 80-90%.

Đây là giống gà thích hợp với khí hậu và điều kiện chăn nuôi quảng canh ở nước ta. Gà rất chịu khó kiếm ăn khi nuôi thả trong vườn hay ngoài đồng.

Hàng ngày người nuôi chỉ phải cho ăn ít, một vài nắm thóc vãi cho cả đàn khi gọi chúng về chuồng, ngoài ra chúng tự kiếm đủ khi được thả ngoài vườn.

Gà Đông Tảo

Gà Đông Tảo hay còn gọi là gà Đông Cảo, mang tên thôn Đông Cảo, xã Đông Tảo huyện Khoái Châu (nay gọi là huyện Châu Giang) tỉnh Hưng Yên.

Gà Đông Tảo có tầm vóc tương đối to, gà trống có lông màu đỏ sẫm pha đen, còn gọi là gà trống tía, con mái lông màu nâu hoặc vàng nhạt, lông cổ có màu nâu sẫm hơn. Giống gà này có đầu to, mắt sâu, mào nụ. Ngoại hình của gà rất thô, đặc biệt là xương ống chân rất to, có nhiều hàng vẩy sừng xù xì. Gà con, sau khi rụng lớp lông tơ sơ sinh, lông chính thức mọc lại rất chậm nên một thời gian dài, từ 1-3 hay 4 tháng tuổi rất ít lông, nếu gặp thời tiết lạnh trong mùa đông thì tỷ lệ nuôi sống sẽ rất thấp. Gà Đông Tảo có tiếng gáy đục và ngắn, khác với gà Ri có tiếng gáy vang và dai.

Số lượng gà thuần chủng hiện nay còn rất ít. Trước đây, người dân Đông Cảo không cho phép nuôi các giống lạ, người làng giữ giống của mình không bị pha tạp để phục vụ cho việc thờ cúng, tế lễ. Nhưng đến nay, tục lệ này không giữ được, việc giao lưu tự do đã dẫn đến tình trạng giảm sút số lượng gà thuần chủng.

Gà Đông Tảo ở tuổi trưởng thành, con trống nặng 3,2 – 4,0 kg, con mái 2,0 – 3,0 kg. Sản lượng trứng: 55-60 quả/ mái/năm. Khối lượng trứng 50-60g/quả. Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên khoảng 200 ngày. Tỷ lệ trứng có phôi bình quân là 85%. Tỷ lệ ấp nở trên tổng số trứng đưa vào ấp từ 60-70%. Tỷ lệ nuôi sống đến hai tháng tuổi là 80-90%. Gà mái có tình đời ấp nhưng khả năng ấp kém vì gà nặng nề, lên xuống ổ vụng, chân to nên trứng dễ vỡ; gà mái dùng chân và mỏ đảo trứng không được đều, do vậy tỷ lệ ấp nở thường thấp.

Khả năng tự tìm kiếm thức ăn của gà Đông Tảo không cao, chúng đi lại chậm chạp quanh nhà, gà còn khỏe mạnh nhưng khó nuôi do gà lúc nhỏ ít lông, về chết rét.

Gà Hồ

Gà Hồ còn được gọi Đông Hồ hay gà Tồ. Chúng có nguồn gốc từ làng Hồ, nay là làng Lạc Thổ, xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Gà Hồ có tầm vóc tương đối lớn, ngoại hình thô, đi lại chậm chạp. Gà trống có màu lông tía, con mái có màu nâu xám hoặc màu vàng nhạt pha màu đất sét hay ngả màu trắng sữa, nhiều con rất giống màu lá chuối khô. Đầu hơi thô, màu nù, mỏ và chân vàng nhạt. Da có màu đỏ, gà con ít lông, khi lớn lông mới phủ kín thân. Nhìn chung, gà Hồ có ngoại hình tương đối giống gà Đông Tảo, nhất là về màu lông, nhưng cơ thể cân đối, thanh hơn, đặc biệt là chân to vừa phải. Ở tuổi trưởng thành: con trống nặng 3,0 – 4,0 kg, con mái nặng 2,0 – 3,0 kg. Sản lượng trứng 55-60 quả/ mái/năm, khối lượng 52-58g/quả. Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên khoảng 210 ngày, tỉ lệ trứng có phôi bình quân 85%. Tỉ lệ ấp nở khoảng 60-65% trên tổng số trứng đưa vào ấp. Tỉ lệ nuôi sống gà con đến hai tháng tuổi từ 80-85%.

Gà Hồ có tính đòi ấp nhưng khả năng ấp kém cũng có những nhược điểm như gà Đông Tảo. Gà mái nuôi con không khéo, khả năng tự kiếm mồi không cao và chúng chậm chạp hơn so với giống gà Ri. Gà giống thuần chủng hiện nay rất hiếm.

Gà Mía

Gà Mía có nguồn gốc ở làng Mía, xã Đường Lâm, huyện Tùng Thiện nay là huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây. Gà Mía có tầm vóc tương đối lớn, ngoại hình thô, đi lại chậm chạp. Lông gà trống màu tía, gà mái màu nâu xám hoặc vàng, cổ có điểm lông nâu, cánh và đuôi có điểm lông đen. Đầu to, mắt sâu, mỏ đơn rất phát triển, chân thô vừa phải, da bụng đỏ. Tiếng gáy ngắn và đục. Gà con ít lông, khi lớn lông mới phủ kín thân. Ở tuổi trưởng thành, con trống nặng 3,0 – 4,0 kg, con mái nặng 2.5 – 3,0 kg. Sản lượng trứng 55-60 quả/mái/năm, khối lượng trứng 55-58g. Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên vào khoảng 200 ngày. Tỉ lệ trứng có phôi là 85%, tỉ lệ

ấp nở khoảng 60-70% trên tổng số trứng ấp. Tỷ lệ nuôi sống đến hai tháng tuổi khoảng 80-90%.

Gà Mía có tính đòi ấp cao, tuy vậy con mái ấp trứng vụng và nuôi con không khéo, gà con mọc lông muộn, thường đến 15 tuần tuổi gà mới mọc đủ lông.

Gà ác

Gà ác được thuần dưỡng phát triển đầu tiên ở các tỉnh Trà Vinh, Long An, Kiên Giang...

Đặc điểm ngoại hình: thân hình nhỏ, nhẹ, thịt xương màu đen, lông trắng tuyền xù như bông, mỏ, chân cũng màu đen, mào cờ phát triển, màu đỏ tím khác với các giống gà khác, chân có 5 ngón (nên còn gọi là gà Ngũ chấu) và có lông chiếm đa số.

Gà trên 4 tháng tuổi có khối lượng trung bình 640 - 760 g. Tuổi đẻ trứng đầu tiên là 110 - 120 ngày, sản lượng trứng 70 - 80 quả/mái/năm, trứng nặng 30 - 32g (Hội chăn nuôi Việt nam - 2002), tỷ lệ trứng có phôi 90%, tỷ lệ ấp nở /trứng đẻ ra xấp xỉ 64%. Gà mái có thể sử dụng tới 2,5 năm (Bùi Đức Lũng và Lê Hồng Mận - 2003)

Gà ác có khối lượng nhỏ, tỷ lệ ít nhưng lại là loại gà thuộc đẻ bồi dưỡng sức khỏe rất tốt (tỷ lệ sắt trong thịt cao hơn gà thường 45%, tỷ lệ axit amin cao hơn 25%). Gà ác được nuôi chủ yếu để hầm với thuốc bắc hoặc ngâm rượu để bồi bổ sức khỏe và trị bệnh.

Gà Mán

Gà Mán là vật nuôi truyền đời của đồng bào Dao, H'Mông, Nùng ở các huyện của tỉnh Cao Bằng và một số tỉnh miền núi phía Bắc.

Đặc điểm ngoại hình nổi bật của gà Mán là có chân màu vàng, trên da có những chấm xanh, màu hoa mơ. Lông màu hoa mơ hoặc nâu thẫm. Con trống

trưởng thành mào đơn hoặc mào nụ rất phát triển, thân dài, ngực rộng và sâu, lông đuôi cong dài. Gà Mán có nhiều màu sắc: xám, vàng, nâu đất. Đặc biệt, hầu hết các con mái trưởng thành (80%) có bộ râu rất phát triển, đó là một chùm lông vũ mọc dưới cằm của gà. Chùm lông này phát triển trở thành một đặc điểm ngoại hình đặc trưng của gà Mán để phân biệt với các giống gà khác.

Gà Mán có tầm vóc tương đối lớn so với các giống gà nội khác. Khối lượng cơ thể khi mới nở là 34g, 24 tháng tuổi, gà trống có thể đạt 4,5 – 5,0kg, gà mái 3,0 - 3,5kg .

Gà Mán thành thực sinh dục muộn, 200 ngày tuổi mới bắt đầu đẻ quả trứng đầu tiên. Sản lượng trứng 48 - 50 quả/mái/năm . Khối lượng trứng 50,34g/quả, trứng có phôi đạt tỷ lệ 95,35%, tỷ lệ nở chiếm 85,66% (Bùi Hữu Đoàn - 2003). Gà Mán có bản năng ấp rất cao và tốt, nuôi con khéo và kéo dài, tầm vóc lớn nhưng đẻ ít, khả năng tăng đàn chậm, vì vậy mà gà Mán thường được nuôi để lấy thịt.

Gà H'Mông

Gà H'Mông là vật nuôi truyền đời của đồng bào H'Mông, Dao, Tày, Nùng. Ở các tỉnh vùng núi Tây Bắc.

Đặc điểm nổi bật là bộ lông pha tạp như nâu, hoa mơ, vàng sẫm... nhưng chủ yếu là màu đen. Chân, da (và nhiều con có cả mào) màu đen. Tầm vóc gà vừa phải, thanh gọn. Khối lượng gà trưởng thành, con trống là 1,8 -2,2 kg; mái là 1,4-1,7 kg. Sản lượng trứng 80-100 quả/năm, khối lượng 40-45 g/quả, màu trắng. Gà H'Mông có sức kháng bệnh rất tốt, rất thích nghi với điều kiện chăn thả tại nông hộ nhờ khả năng tự kiếm mồi cao. Chất lượng thịt đặc biệt thơm ngon và cũng có màu đen rất đặc biệt nên được thị trường ưa chuộng.

Gà chọi

Số lượng không nhiều, rải rác nhiều nơi, thường tồn tại chủ yếu ở những địa phương có truyền thống chơi gà như Hà Nội, Bắc Ninh, Huế, Thành Phố Hồ Chí Minh...

Đặc điểm ngoại hình: chân cao, mình dài, cổ cao, mào xuýt (mào kép) màu đỏ tía; cựa sắc và dài (con trống có lông màu mận chín pha lông đen ở cánh, đuôi, đầu). Tích và dải tai màu đỏ, con mái màu xám (lá chuối khô) hoặc màu vàng nhờ điểm đen, mỏ và chân màu chì, mắt đen có vòng đỏ.

Gà trống 1 năm tuổi đạt 2,5 – 3,0 kg, gà mái 1,8 - 1,9 kg (Hội chăn nuôi Việt nam - 2002)...Khi trưởng thành gà trống 3-4kg, gà mái 2,0 - 2,5kg (Sử An Ninh và CTV - 2003).

Sản lượng trứng 50 - 70 quả/mái/năm, vỏ trứng màu hồng. Khối lượng trứng 50 - 55 g/quả. Gà có sức khỏe tốt nhưng đẻ ít, khả năng tăng đàn chậm. Được người dân nuôi để làm gà chơi trong các cuộc lễ hội. Một số địa phương thường cho lai với gà ta để nuôi lấy thịt.

Gà đen (gà Ô)

Gà đen còn được người địa phương gọi là gà ô hay ô kê. Chúng được nuôi ở vùng biên giới Việt Trung như bản Mễ thuộc huyện Bắc Hà, một số xã của huyện Mường Khương.

Đặc điểm ngoại hình: gà có tầm vóc nhỏ, có nhiều màu lông khác nhau, nhưng màu đen tuyền chiếm đa số, mào cờ (mào đơn) màu đen nhạt, chân, da, thịt, xương, mề, mỡ màu đen. Khối lượng gà lúc lên đẻ từ 1 - 1,3kg sản lượng trứng 90 - 100 quả/ mái/ năm. Ngoài ra còn có loại gà Ô to hơn (hướng thịt), màu lông chủ yếu là màu vàng đất, xám, có lông bàn chân, đa số mào trụ (mào kép) màu hồng xám. Khối lượng cơ thể lúc trưởng thành, con mái 2,8 – 3,0 kg, con trống 2,8 - 3,2 kg (Bùi Đức Lũng và Lê Hồng Mận - 2003). Gà có sức sống và chống bệnh cao nhưng khối lượng cơ thể nhỏ. Đây là loại gà được sử dụng để bồi bổ cơ thể rất tốt.

Gà Tre

Được nuôi ở các tỉnh Nam Bộ, vóc dáng nhỏ, thịt thơm ngon. Sáu tháng tuổi, con trống nặng 800 - 850 g, con mái nặng 600 - 620g. Đầu nhỏ, mào hạt đậu, con trống thường có màu vàng ở cổ và đuôi, phần còn lại màu đen, lông con mái thường màu xám xen lẫn màu trắng. Sản lượng trứng 50 - 60 quả / mái/ năm, nặng 21 - 22 g. Gà Tre được dùng làm cảnh và thi chọi ở nhiều nơi trong nước.

Gà Văn Phú

Gà Văn Phú có nguồn gốc ở thôn Văn Phú, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phúc, Giống gà thuần chủng hiện nay rất hiếm. Gà Văn Phú dễ nhận biết do sắc lông đen toàn thân. Gà có mào đơn, da trắng nhưng có chân chì (màu đen xám).

Khối lượng gà trưởng thành, con trống nặng 2,0 – 2,0 kg, con mái nặng 1,0 – 1,8 kg. Nhìn chung gà Văn Phú có tầm vóc nhỏ. Sản lượng trứng trung bình từ 60-80 quả/mái/ năm, nếu nuôi tốt có thể đạt 100 – 110 quả. Do gà có tầm vóc nhỏ nên chúng phát dục sớm và khối lượng trứng cũng nhỏ, thường từ 30-45g. Tuổi đẻ trứng thường từ 5-6 tháng tuổi.

Gà Văn Phú có tính đòi ấp mạnh, chúng ấp và nuôi con khéo nên tỉ lệ nở và tỉ lệ nuôi sống khá cao, tương đương với gà Ri. Gà Văn Phú thuần chủng hiện nay còn rất ít.

Gà Rốt Ri

Gà Rốt Ri được lai tạo tại Viện Chăn nuôi quốc gia từ năm 1976 đến năm 1984 và đã được công nhận là một nhóm giống.

Từ giống gà Rốt thuần nhập từ Cuba cho lai với gà Ri thuần (có nguồn gốc gà Hải Dương). Qua nhiều bước lai tạo và chọn lọc theo gia đình để lấy những cá thể tốt và tạo ra đàn giống ổn định. Đến năm 1984 đàn giống đã cho kết quả phù hợp với mục tiêu đề ra. Nguyễn Hoài Tao, Bùi Quang Tiến và cộng tác viên đã công bố khả năng sản xuất của gà Rốt Ri nuôi tại Viện Chăn nuôi.

Theo các tác giả gà Rôt Ri cho sản lượng trứng trung bình là 161 quả/năm (Gà Ri 113 quả /năm; gà Rôt nuôi ở Việt Nam 154,8 quả/năm). Khối lượng trứng bình quân là 49,30g/quả (Gà Ri 44,20g/quả; gà Rôt 53,45g/quả). Tiêu tốn thức ăn để sản xuất m ười quả trứng là 2,83kg (gà Ri 4,72kg; gà Rôt 2,800kg).

2.1.2 Các giống gà nhập nội

Trong những năm qua, n ước ta đã nhập 14 giống gà. Các giống nhập khẩu chủ yếu là bố mẹ và một số ít giống ông bà. Do công nghệ chăn nuôi ch ưa hoàn toàn đồng bộ nên năng suất của các giống nhập khẩu nuôi ở nước ta chỉ đạt 85-90% so với năng suất chuẩn của giống.

Các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị nghiên cứu khoa học về chăn nuôi gia cầm; các doanh nghiệp có vốn nước ngoài (có 3 công ty lớn là C.P.group, Japfacomfeed, Topmill); các trang trại gia cầm t ư nhân. Cả nước hiện có 11 cơ sở giống trực thuộc Trung ương chăn nuôi gà giống gốc vớ i số lượng giống nuôi giữ gần khoảng 3.000 con gia cầm cụ kỵ và 18.000 gia cầm giống ông bà). Bên cạnh đó, còn có 106 trại giống thuộc các thành phần kinh tế khác nhau (10 cơ sở của các công ty có vốn nước ngoài, 20 cơ sở của các doanh nghiệp địa ph ương, số còn lại là của trang trại tư nhân).

Do các đơn vị chỉ nhập khẩu giống bố mẹ và số lượng ít giống ông bà, không giữ được giống lâu dài, nên hàng năm các cơ sở này phải nhập giống mới thay thế. Như vậy, chăn nuôi gà hoàn toàn lệ thuộc vào nước ngoài về các giống có năng suất cao. Những năm qua, cả nước nhập khẩu khoảng 1 triệu gà bố mẹ, và 4.000-5.000 gà ông bà mỗi năm để sản xuất giống thương phẩm cung cấp cho chăn nuôi gà trong nước. Đây là tồn tại lớn trong ngành chăn nuôi gà nước ta cần có sự thay đổi, đầu tư lớn trong chính sách đề xuất để có thể chủ động con giống chất l ượng cao các giống cao sản cung cấp cho sản xuất (Dàn theo Bộ Nông nghiệp và PTNT).

Bảng. Các giống gà được nhập nội từ năm 1990 đến nay

TT	Giống	Nguồn gốc	Năm nhập đầu tiên	Hiện trạng
Các giống gà chuyên thịt				
1	BE.88	Cu Ba	1993	Không còn
2	AA (Arbor Acres)	Mỹ	1993	Phát triển
3	ISA Vedette	Pháp	1994	Không còn
4	ISA. MPK	Pháp	1998	Phát triển
5	Avian	Mỹ	1993	Phát triển
6	Ross – 208, 308, 408	Anh	1993	Phát triển
7	Lohmann meat	Đức	1995	Phát triển
8	Cobb	Mỹ	1997	Phát triển
Các giống gà chuyên trứng				
1	Goldline. 54	Hà Lan	1990	Không còn
2	Brown Nick	Mỹ	1993	Phát triển
3	Hisex Brown	Hà Lan	1995	Phát triển
4	Hyline	Mỹ	1996	Phát triển
5	ISA Brown	Pháp	1998	Phát triển
6	Babcock -B380	Pháp	1999	Phát triển
7	Lohmann Brown	Đức	2002	Đang phát triển
Các giống gà kiêm dụng				
1	Tam Hoàng 882	Trung Quốc	1992	Còn lại không nhiều
2	Tam Hoàng Jiangcun	Hồng Công	1995	Còn lại không nhiều
3	Lương Phượng	Trung Quốc	1997	Phát triển mạnh
4	ISA- JA 57	Pháp	1997	Còn lại không nhiều
5	Sasso (SA 31)	Pháp	1998	Phát triển
6	Kabir	Israel	1997	Phát triển
7	ISA. Color	Pháp	1999	Phát triển
8	Ai Cập	Ai cập	1997	Phát triển
9	Hubbard Plex	Pháp	2000	Phát triển
10	Newhampshire	Hungari	2002	Ít phát triển
11	Yellow Godollo	Hungari	2002	Ít phát triển
12	Gà Sao	Hungari	2002	Đang phát triển

(Nguồn: Bộ Nông nghiệp và PTNT)

2.2. Các giống vịt nội và nhập nội

2.2.1 Các giống vịt nội

Vịt cỏ

Vịt Cỏ chiếm một tỉ trọng cao trong tổng đàn vịt của cả nước, phân bố rộng rãi, nhưng tập trung nhiều nhất vẫn là vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long ...

Đặc điểm ngoại hình

Vịt cỏ có đầu nhỏ, thanh tú, trán không dốc quá. Mỏ bẹt và dài, màu vàng da cam, con đực màu xanh lá cây nhạt. Mắt to và sáng. Cổ dài và thanh. Con đực cổ có lông màu xanh biếc, một số con đực có vòng lông trắng ở cổ, cánh dài và rộng vừa phải.

Thân mình thon dài. Ngực hơi lép, con mái có bụng sâu, đuôi hơi cúp và cong về phía sau, ở con đực đuôi có lông cong về phía trước (lông móc), thường từ 1-3 cái.

Chân vịt Cỏ hơi dài so với thân và thường có màu vàng, một số con pha màu nâu hoặc đốm nâu, đen từ cổ chân đến ngón chân và màng bơi. Vịt Cỏ có dáng đi nhanh nhẹn, hơi lúc lắc sang hai bên nhưng không nặng nề.

Vịt Cỏ có lông không thuần nhất, một số lớn vịt có màu nâu xen lẫn màu nhạt gọi vịt “cà cuống”; một số lông màu trắng đục hoặc trắng pha đen, xám. Do màu lông không thuần nhất nên ở miền nam vịt Cỏ được người nuôi chia làm nhiều loại khác nhau: loại có màu lông trắng tuyền được gọi là vịt Tàu Cò; lông trắng pha màu đen hay xám gọi là vịt Tàu Nỏ (hay vịt Huế); vịt có lông xám có vân như cà cuống gọi là vịt Tàu Rằn; lông xám có khoang trắng gọi là vịt Tàu Phèn.

Trứng vịt Cỏ tương đối tốt, khối lượng trung bình 61,7g; có vỏ màu trắng đục, đôi khi có màu xanh nhạt gọi là trứng “cà cuống”; vịt Cỏ đẻ từ 130 -160